

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HS-ST
Ngày 30-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thanh Mai và bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2021/TLST-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T; tên gọi khác: Chó H; sinh ngày 14 tháng 3 năm 1991 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Á và bà Nguyễn Thị H; vợ Đồng Thị Thanh H (đã ly hôn) và 01 con; tiền sự: Không; 03 tiền án: Tại Bản án số: 80/2016/HSST ngày 28/11/2016 của TAND huyện Bố Trạch xử phạt Nguyễn Duy T 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bản án số: 11/2018/HSST ngày 22/3/2018 của TAND huyện Bố Trạch xử phạt Nguyễn Duy T 12 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; Bản án số: 33/2018/HSST ngày 08/8/2018 của TAND huyện Bố Trạch xử phạt Nguyễn Duy T 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Tổng hợp với bản án số 11 ngày 22/3/2018/HSST là 30 tháng tù giam; Nhân thân: Ngày 13/7/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch tuyên phạt 08 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 23/01/2018 bị công an phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới xử phạt 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”; Ngày 28/11/2016 bị TAND huyện Bố Trạch tuyên phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 22/3/2018 bị TAND huyện Bố Trạch tuyên phạt 12 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; Ngày 08/8/2018 bị TAND huyện Bố Trạch tuyên phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp với

bản án ngày 22/3/2018 là 30 tháng tù giam. Ngày 17/7/2020 T chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 26/12/2020 cho đến nay; *Có mặt*

- *Bị hại:*

+ Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

+ Anh Nguyễn Phan Ngọc B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

+ Anh Vũ Đình T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Nguyễn Anh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

+ Hoàng Trung K, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

+ Trần Ngọc H, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2020, Nguyễn Duy T đi bộ đến nhà bà Hoàng Thị N thấy phía sau có cửa nhôm không khóa, T lén lút đi vào phòng khách lấy trộm một chiếc tivi nhãn hiệu LG 55inch và 01 điện thoại OPPO A1K, sau đó T ra quốc lộ 1A bắt taxi vào thành phố Đồng Hới, bán cho Nguyễn Anh T chiếc tivi LG 55 inch lấy 4.000.000 đồng. Còn điện thoại di động OPPO T bán cho một người đàn ông không rõ địa chỉ ở khu vực chợ Cộn, thành phố Đồng Hới với giá 600.000 đồng. Số tiền bán được T tiêu xài cá nhân hết. Tại Kết luận định giá tài sản số: 03/STC-KLĐG ngày 04/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Bình kết luận: 01 tivi màu đen nhãn hiệu LG loại 55 inch tại thời điểm mất trộm có trị giá 4.980.000 đồng; Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 17/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bố Trạch kết luận: 01 điện thoại OPPO AK1 màu đen tại thời điểm mất trộm trị giá 2.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Duy T đã chiếm đoạt của bà N là: **7.480.000 đồng** (*Bảy triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*)

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã đầu tranh đã làm rõ: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020 Nguyễn Duy Tuấn còn thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

+ *Vụ thứ nhất:* Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 20/11/2020 tại khu vực âu thuyền xã Thanh Trạch, T phát hiện cửa tầng 2 của nhà máy đá Việt Trung đang mở, T leo lên tầng 2, đột nhập vào phòng khách lấy trộm 01 điện thoại di động NOKIA 1280, rồi vào phòng ngủ lấy trộm 01 đèn pin mini cầm tay, 01 điện thoại di động SAMSUNG A70 của anh Nguyễn Phan Ngọc B. Sau đó, T bán điện thoại SAMSUNG cho một người đàn ông không rõ địa chỉ với giá 600.000 đồng ở khu vực chợ Cộn để tiêu xài cá nhân, còn điện thoại NOKIA 1280 và đèn pin T làm mất ở đâu không rõ. Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 17/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bố Trạch kết luận: 01 đèn pin mini trị giá 50.000 đồng; 01 điện thoại NOKIA 1280 màu đen trị giá 100.000 đồng; 01 điện thoại SAMSUNG A70 màu đen trị giá 6.400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Duy T đã chiếm đoạt của anh B là: **6.550.000 đồng** (*Sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ *Vụ thứ hai:* Vào khoảng 01 giờ ngày 25/11/2020, T đi bộ đến ngôi nhà đang xây của bà Nguyễn Thị H thấy không có người trông coi nên lên vào phòng khách lấy trộm 04 ổ khóa, sau đó bán cho một người đàn ông không rõ tên và địa chỉ ở gần chợ Ga, thành phố Đồng Hới lấy 1.200.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 17/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bố Trạch kết luận: 01 bộ khóa màu đồng mã HC 8526 DS-SS trị giá 6.960.000 đồng; 01 bộ khóa màu đồng mã HC 5929 SS trị giá 1.600.000 đồng; 02 bộ khóa màu trắng mã EX 5868 trị giá 1.036.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Duy T đã chiếm đoạt của bà H là: **9.596.000 đồng**. (*Chín triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*)

+ *Vụ thứ ba:* Khoảng 02 giờ ngày 14/12/2020, T đi bộ đến nhà anh Vũ Đình T thấy cửa hông đóng, nhưng không khóa nên len lút vào nhà và lấy trộm 01 tivi SONY 49inch ở phòng khách rồi mang đến cầm cố cho Hoàng Trung K lấy 3.500.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số 03/STC-KLĐG ngày 04/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Bình kết luận: 01 tivi màu đen nhãn hiệu SONY loại 49 inch tại thời điểm mất trộm trị giá **8.800.000 đồng** (*Tám triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, T còn khai nhận vào khoảng cuối tháng 11/2020 đã đột nhập vào một ngôi nhà đang xây ở thôn Thanh Xuân, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch lấy trộm 03 con dao và 01 điện thoại di động SAMSUNG, nhưng hiện tại chưa tìm được bị hại, cho nên chưa có đủ cơ sở để xử lý. Như vậy, Tổng trị giá tài sản Nguyễn Duy T đã chiếm đoạt của 04 bị hại theo các kết luận định giá là **32.426.000 đồng** (*Ba mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

- Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã thu hồi được 01 tivi màu đen nhãn hiệu SONY loại 49 inch và trả lại cho ông Vũ Đình T; thu hồi được 01 tivi màu đen nhãn hiệu LG loại 55 inch và trả lại cho bà Hoàng Thị N.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra giữa bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận như sau: Bà N yêu cầu T bồi thường số tiền 2.500.000 đồng, bà H yêu cầu Tuấn bồi thường 9.596.000 đồng, anh B yêu cầu bồi thường số tiền 6.550.000 đồng. Hiện tại, bị cáo chưa bồi thường cho các bị hại theo thỏa thuận. Riêng ông Vũ Đình T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu T bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số: 28/CT-VKSBT ngày 05/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình truy tố Nguyễn Duy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù từ 36 tháng đến 42 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại theo thỏa thuận; buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị hại bà Hoàng Thị N không yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà theo kết luận định giá cũng như theo thỏa thuận; yêu cầu của bà là tự nguyện, không bị ép buộc.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như bản cáo trạng đã truy tố nên không tranh luận gì thêm về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo và không xin giảm nhẹ về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt 02 bị hại và tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử, cho nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng bị thu giữ, lời khai của bị hại, các kết luận định giá tài sản cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Lợi dụng sở hở trong việc quản lý tài sản của người khác, trong khoảng thời gian từ tháng 11 đến tháng 12/2020 Nguyễn Duy T đã có hành vi lén lút thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị tài sản đã chiếm đoạt của các bị hại là 32.426.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới, Nguyễn Duy T đang có 03 tiền án chưa được xóa án tích, cho nên hành vi phạm tội của Nguyễn Duy T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, đối với bị cáo cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có đủ nhận thức về pháp luật và am hiểu đời sống xã hội nhất định. Tuy nhiên, vì lười lao động nhưng muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác và nhiều lần bị kết án. Tuy nhiên, sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương bị cáo vẫn liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội mới trong khi đang còn 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích đã thể hiện rõ thái độ xem thường pháp luật của bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo 04 lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội “Hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn trong khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, cho nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ Luật hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...*”. Nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp cụ thể,

không có nguồn thu nhập ổn định, cho nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho ông T 01 tivi màu đen nhãn hiệu SONY loại 49 inch và trả lại cho bà N 01 tivi màu đen nhãn hiệu LG loại 55 inch là đúng với quy định của pháp luật và các bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã mua các tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nhưng quá trình điều tra những người này không yêu cầu buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã mua các tài sản đã bị thu hồi, nên không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với các tài sản do bị cáo chiếm đoạt của các bị hại nhưng không thu hồi được, trong quá trình điều tra giữa bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận về số tiền bồi thường thiệt hại theo kết luận của Hội đồng định giá, nhưng bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường, cho nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại. Riêng đối với bị hại bà Hoàng Thị N, tại phiên tòa đã có đề nghị không yêu cầu buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho mình, nên cần được chấp nhận và không buộc bị cáo phải bồi thường cho bà N.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Ngoài ra trong vụ án này còn có anh Nguyễn Anh T, Hoàng Trung K, Trần Ngọc H là những người đã mua các tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nhưng quá trình điều tra đã chứng minh được những người này không biết nguồn gốc số tài do bị cáo Tuấn trộm cắp đem bán, cho nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng cần nhắc nhở, rút kinh nghiệm trong việc mua, bán tài sản không rõ nguồn gốc nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh ngăn ngừa tội phạm chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T **42** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (26/12/2020). Tiếp tục

tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/6/2021) theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị H số tiền 9.596.000 đồng (*Chín triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Nguyễn Phan Ngọc B số tiền 6.550.000 đồng (*Sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 807.000 đồng (*Tám trăm linh bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/6/2021). Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Phòng PV 06 CA tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trách;
- CA huyện Bồ Trách;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: HSVA, VP, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành